

Số: 425/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 34/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con do Nhà nước định giá

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 34/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ

trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con do Nhà nước định giá.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, Phụ lục I, Phụ lục II của Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Thay thế cụm từ “Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi tắt là SGDCK), Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSDC) theo quy định pháp luật” tại khoản 1 Điều 1 bằng cụm từ “Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi tắt là SGDCK), Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSDC) và công ty con theo quy định pháp luật”.

2. Thay thế cụm từ “SGDCK và VSDC” tại khoản 2 Điều 1, tên Điều 3, khoản 1, 3, 4, 6, 7 Điều 3, khoản 1, 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7 bằng cụm từ “SGDCK, VSDC và công ty con”.

3. Thay thế cụm từ “Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam” tại khoản 1 Điều 2 bằng cụm từ “Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Bù trừ Chứng khoán Việt Nam”.

4. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố” tại khoản 2 Điều 2, tại cột đối tượng trả khoản 8, 9, 10 mục II, tại cột đối tượng trả khoản 19 mục III phần A Phụ lục I bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

5. Thay thế cụm từ “dịch vụ duy trì kết nối định kỳ” tại khoản 1, 2, 3 Điều 4, tại khoản 3, 4 Điều 5, tại cột tên giá dịch vụ khoản 5.2 mục II phần A Phụ lục I, tại khoản 5 phần A Phụ lục II bằng cụm từ “dịch vụ duy trì kết nối giao dịch định kỳ”.

6. Thay thế cụm từ “SGDCK, VSDC” tại khoản 2 Điều 5 bằng cụm từ “SGDCK, VSDC và công ty con”.

7. Thay thế cụm từ “dịch vụ kết nối trực tuyến” tại khoản 3 Điều 5, tại khoản 5 mục II phần A Phụ lục I, tại khoản 5 phần A Phụ lục II bằng cụm từ “dịch vụ kết nối giao dịch trực tuyến”.

8. Thay thế cụm từ “SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON, TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM” tại tên Phụ lục I, tên Phụ lục II bằng cụm từ “SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON,

TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON”.

9. Thay thế cụm từ “ETF” tại cột tên giá dịch vụ khoản 3.2, 3.3 mục II phần A Phụ lục I bằng cụm từ “chứng chỉ quỹ ETF”.

10. Thay thế cụm từ “dịch vụ kết nối lần đầu” tại cột tên giá dịch vụ khoản 5.1 mục II phần A Phụ lục I, tại khoản 5 phần A Phụ lục II bằng cụm từ “dịch vụ kết nối giao dịch lần đầu”.

11. Bãi bỏ cụm từ “, chào bán cạnh tranh, dựng sổ” tại cột tên giá dịch vụ, tại cột đối tượng trả, tại cột thời gian trả khoản 7 mục II phần A Phụ lục I, tại tên khoản 7 phần A Phụ lục II.

12. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại khoản 12 mục III phần A Phụ lục I như sau:

a) Thay thế cụm từ “Công ty Quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC” tại cột đối tượng trả bằng cụm từ “công ty quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC, công ty quản lý quỹ có trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đăng ký tại VSDC”;

b) Thay thế cụm từ “ETF” tại cột phạm vi áp dụng bằng cụm từ “chứng chỉ quỹ ETF”;

c) Bãi bỏ cụm từ “chứng nhận” tại cột thời gian trả.

13. Thay thế một số cụm từ tại khoản 15 mục III phần A Phụ lục I như sau:

a) Thay thế cụm từ “Công ty Quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC” tại cột đối tượng trả bằng cụm từ “công ty quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC, công ty quản lý quỹ có trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đăng ký tại VSDC”;

b) Thay thế cụm từ “thực hiện quyền” tại cột thời gian trả bằng cụm từ “được hưởng quyền”.

14. Bổ sung cụm từ “Áp dụng đến hết ngày liền trước ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm cho hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm” tại cột phạm vi áp dụng khoản 16 mục III phần A, tại cột phạm vi áp dụng khoản 7 mục III phần B Phụ lục I.

15. Thay thế cụm từ “Giá dịch vụ thanh toán bằng tiền” tại cột tên giá dịch vụ khoản 16.4 mục III phần A Phụ lục I bằng cụm từ “Giá dịch vụ xử lý, xác định nghĩa vụ thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán để thanh toán”.

16. Bãi bỏ điểm c tại cột phạm vi áp dụng khoản 17.1 mục III phần A Phụ lục I.

17. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ tại khoản 17.2 mục III phần A Phụ lục I như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Không áp dụng đối với các trường hợp tặng cho, thừa kế giữa vợ với chồng, giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi, giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu, giữa cha vợ, mẹ vợ với con rể, giữa ông nội, bà nội với cháu nội, giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại, giữa anh, chị, em ruột với nhau” tại cột phạm vi áp dụng;

b) Bãi bỏ cụm từ “, trừ các trường hợp tặng cho, thừa kế giữa vợ với chồng, giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi, giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu, giữa cha vợ, mẹ vợ với con rể, giữa ông nội, bà nội với cháu nội, giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại, giữa anh, chị, em ruột với nhau” tại cột tên giá dịch vụ.

18. Bãi bỏ khoản 17.8 mục III phần A Phụ lục I.

19. Bổ sung khoản 17.9, 17.10, 17.11, 17.12, 17.13 tại mục III phần A Phụ lục I như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
17.9	Chuyển quyền sở hữu do mua lại, thu hồi cổ phiếu đã được công ty đại chúng phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty từ người lao động theo phương án phát hành đã được phê duyệt; tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu hoặc thu hồi cổ phiếu của người lao động được mua ưu đãi theo quy định pháp luật về cổ phần hóa	Bên nhận chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký hoặc công ty đại chúng, tổ chức phát hành.	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	
17.10	Chuyển quyền sở hữu do công đoàn của tổ chức phát hành, công đoàn của công ty đại chúng dùng cổ phiếu công đoàn đang đứng tên sở hữu để thưởng,	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký.	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	

	phân phối với giá ưu đãi cho người lao động của tổ chức phát hành, công ty đại chúng; tổ chức phát hành, công ty đại chúng dùng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu, thưởng cho người lao động hoặc bán cổ phiếu quỹ không thực hiện được qua hệ thống giao dịch chứng khoán			
17.11	Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu ưu đãi không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký.	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	
17.12	Chuyển quyền sở hữu do tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông, mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký.	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	
17.13	Chuyển quyền sở hữu do cổ đông của công ty đại chúng chào bán chứng khoán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá qua các Sở giao dịch chứng khoán	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký.	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	

20. Thay thế cụm từ “Giá dịch vụ vay, cho vay chứng khoán qua hệ thống VSDC” tại khoản 18 mục III phần A Phụ lục I, khoản 15 phần A Phụ lục II bằng cụm từ “Giá dịch vụ vay, cho vay chứng khoán qua hệ thống tại VSDC”.

21. Thay thế một số cụm từ tại khoản 21.1 mục III phần A Phụ lục I như sau:

a) Thay thế cụm từ “Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu và phong tỏa chứng khoán” tại cột tên giá dịch vụ điểm a bằng cụm từ “Đăng ký biện pháp bảo đảm”;

b) Thay thế cụm từ “Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký” tại cột tên giá dịch vụ điểm b bằng cụm từ “Đăng ký thay đổi, sửa chữa biện pháp bảo đảm”;

c) Thay thế cụm từ “giao dịch” tại cột tên giá dịch vụ điểm d, điểm đ và tại cột đối tượng trả bằng cụm từ “biện pháp”.

22. Thay thế cụm từ “giao dịch” tại khoản 21.2 mục III phần A Phụ lục I bằng cụm từ “đăng ký biện pháp”.

23. Bổ sung khoản 21.3 tại mục III phần A Phụ lục I như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
21.3	Giá dịch vụ phong tỏa chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	Cá nhân, tổ chức có yêu cầu phong tỏa chứng khoán, đăng ký biện pháp bảo đảm	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	
a	Phong tỏa lần đầu chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	nộp giá dịch vụ		
b	Phong tỏa bổ sung chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	cho VSDC thông qua thành viên lưu ký.		

24. Bãi bỏ khoản 25 mục III phần A Phụ lục I.

25. Bổ sung mục IV tại phần A Phụ lục I như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
IV	GIÁ DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM			
26	Giá dịch vụ xử lý lỗi sau giao dịch			
26.1	Giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch	Thành viên bù trừ, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	Áp dụng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối
26.2	Giá dịch vụ xử lý giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán			

26.3	Giá dịch vụ xử lý lỗi giao dịch tự doanh			tác bù trừ trung tâm cho hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm.
26.4	Giá dịch vụ xử lý, xác định nghĩa vụ thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán để thanh toán	Thành viên bù trừ thiếu chứng khoán để thanh toán dẫn tới phải thực hiện thanh toán bằng tiền.		
27	Giá dịch vụ bù trừ	Thành viên bù trừ.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	

26. Thay thế cụm từ “GIÁ DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH” tại mục III phần B Phụ lục I bằng cụm từ “GIÁ DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM”.

27. Thay thế cụm từ “Áp dụng kể từ thời điểm VSDC chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo hệ thống công nghệ thông tin mới cho thị trường chứng khoán” tại cột phạm vi áp dụng khoản 6, 8 mục III phần B Phụ lục I bằng cụm từ “Áp dụng đến hết ngày liền trước ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm cho hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm”.

28. Bãi bỏ khoản 9 mục III phần B Phụ lục I.

29. Bổ sung mục IV tại phần B Phụ lục I như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
IV	GIÁ DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM			
10	Giá dịch vụ bù trừ chứng khoán phái sinh	Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	Áp dụng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm cho hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm.
11	Giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ			
12	Giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch chứng khoán phái sinh			

30. Bãi bỏ cụm từ “/chào bán cạnh tranh/dựng sổ” tại điểm b khoản 7 phần A Phụ lục II.

31. Thay thế cụm từ “công ty quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC” tại điểm b khoản 9 phần A Phụ lục II bằng cụm từ “công ty quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC, công ty quản lý quỹ có trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đăng ký tại VSDC”.

32. Thay thế cụm từ “người sở hữu chứng khoán” tại điểm b khoản 12 phần A Phụ lục II bằng cụm từ “người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền”.

33. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại khoản 13 phần A Phụ lục II như sau:

a) Thay thế cụm từ “dịch vụ thanh toán bằng tiền” bằng cụm từ “dịch vụ xử lý, xác định nghĩa vụ thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán để thanh toán”;

b) Thay thế cụm từ “n là số giao dịch thanh toán bằng tiền VSDC đã xử lý” bằng cụm từ “n là số giao dịch thiếu chứng khoán đã chuyển sang thanh toán bằng tiền”;

c) Bãi bỏ cụm từ “VSDC” tại điểm a, điểm b, điểm c.

34. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng “-” thứ hai điểm b khoản 14 phần A Phụ lục II như sau:

“- Đối với chứng khoán của tổ chức chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch nhưng bị SGDCK đình chỉ, tạm ngừng giao dịch thì giá chứng khoán tính theo mệnh giá chứng khoán.”.

35. Bổ sung điểm c tại khoản 14 phần A Phụ lục II như sau:

“c) Giá dịch vụ chuyển quyền sở hữu chứng khoán được các bên nộp tiền thông qua thành viên lưu ký nơi các bên thực hiện chuyển quyền sở hữu mở tài khoản lưu ký chứng khoán đối với chứng khoán đã đăng ký lưu ký hoặc trả thông qua công ty đại chúng, tổ chức phát hành đối với chứng khoán chưa lưu ký.”.

36. Bổ sung khoản 16a sau khoản 16 phần A Phụ lục II như sau:

“16a. Giá dịch vụ phong tỏa chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm

Giá dịch vụ phong tỏa chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	=	Mức giá	x	Giá trị chứng khoán phong tỏa
---	---	---------	---	-------------------------------------

Giá trị chứng khoán phong tỏa	=	Số lượng chứng khoán phong tỏa	x	V
----------------------------------	---	--------------------------------------	---	---

a) Mức giá theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) V: Giá chứng khoán tính theo mệnh giá đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng chỉ quỹ ETF và tính theo giá phát hành lần đầu đối với chứng quyền có bảo đảm.”.

37. Bãi bỏ cụm từ “VSDC” tại khoản 8 phần B Phụ lục II.

38. Bãi bỏ khoản 9 phần B Phụ lục II.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Thông tư số 34/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con do Nhà nước định giá

1. Thay thế cụm từ “kết nối” tại cột tên gọi chi tiết của dịch vụ khoản 5, 5.1, 5.2 mục I phần A bằng cụm từ “kết nối giao dịch”.

2. Bãi bỏ cụm từ “, dựng số” tại cột tên gọi chi tiết của dịch vụ, tại cột đặc điểm cơ bản của dịch vụ khoản 7 mục I phần A.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 mục I phần B như sau:

STT	Tên gọi chi tiết của dịch vụ	Đặc điểm cơ bản của dịch vụ
d	Xử lý, xác định nghĩa vụ thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán để thanh toán	Thực hiện tách số lượng chứng khoán thiếu, xác định giá trị của chứng khoán thiếu từ đó xác định số tiền thành viên bù trừ bên bán phải trả cho thành viên bù trừ bên mua (tương ứng với số chứng khoán thiếu) để chuyển sang thanh toán bằng tiền thay vì chuyển giao chứng khoán.

4. Bổ sung khoản 7.12, 7.13, 7.14, 7.15, 7.16 vào sau khoản 7.11 mục I phần B như sau:

STT	Tên gọi chi tiết của dịch vụ	Đặc điểm cơ bản của dịch vụ
7.12	Chuyển quyền sở hữu do mua lại, thu hồi cổ phiếu đã được công ty đại chúng phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty từ người lao động theo phương án phát hành đã được phê duyệt; tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu hoặc thu hồi cổ phiếu của người lao động được mua ưu đãi theo quy định	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu do mua lại, thu hồi cổ phiếu đã được công ty đại chúng phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty từ người lao động theo phương án phát hành đã được phê duyệt; tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ

	pháp luật về cổ phần hóa	phiếu hoặc thu hồi cổ phiếu của người lao động được mua ưu đãi theo quy định pháp luật về cổ phần hóa. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, ghi nhận thông tin sở hữu của các bên chuyển quyền sở hữu trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán tổng hợp do VSDC quản lý và thông báo cho các bên liên quan.
7.13	Chuyển quyền sở hữu do công đoàn của tổ chức phát hành, công đoàn của công ty đại chúng dùng cổ phiếu công đoàn đang đứng tên sở hữu để thưởng, phân phối với giá ưu đãi cho người lao động của tổ chức phát hành, công ty đại chúng; tổ chức phát hành, công ty đại chúng dùng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu, thưởng cho người lao động hoặc bán cổ phiếu quỹ không thực hiện được qua hệ thống giao dịch chứng khoán	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu do công đoàn của tổ chức phát hành, công đoàn của công ty đại chúng dùng cổ phiếu công đoàn đang đứng tên sở hữu để thưởng, phân phối với giá ưu đãi cho người lao động của tổ chức phát hành, công ty đại chúng; tổ chức phát hành, công ty đại chúng dùng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu, thưởng cho người lao động hoặc bán cổ phiếu quỹ không thực hiện được qua hệ thống giao dịch chứng khoán. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, ghi nhận thông tin sở hữu của các bên chuyển quyền sở hữu trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán tổng hợp do VSDC quản lý và thông báo cho các bên liên quan.
7.14	Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu ưu đãi không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phiếu ưu đãi không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, ghi nhận thông tin sở hữu của các bên chuyển quyền sở hữu trên Sổ đăng ký người sở hữu

		chứng khoán tổng hợp do VSDC quản lý và thông báo cho các bên liên quan.
7.15	Chuyển quyền sở hữu do tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông, mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu do tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông, mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, ghi nhận thông tin sở hữu của các bên chuyển quyền sở hữu trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán tổng hợp do VSDC quản lý và thông báo cho các bên liên quan.
7.16	Chuyển quyền sở hữu do cổ đông của công ty đại chúng chào bán chứng khoán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá qua các Sở giao dịch chứng khoán	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu do cổ đông của công ty đại chúng chào bán chứng khoán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá qua các Sở giao dịch chứng khoán. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, ghi nhận thông tin sở hữu của các bên chuyển quyền sở hữu trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán tổng hợp do VSDC quản lý và thông báo cho các bên liên quan.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 mục I phần B như sau:

STT	Tên gọi chi tiết của dịch vụ	Đặc điểm cơ bản của dịch vụ
11	Đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tại VSDC	
11.1	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
a	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tại VSDC.
b	Đăng ký thay đổi, sửa chữa biện	Thực hiện đăng ký thay đổi,

	pháp bảo đảm	sửa chữa sai sót thông tin đã đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của các bên.
c	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	Thực hiện đăng ký công khai văn bản thông báo về việc xử lý tài sản đảm bảo cho các bên nếu có nhu cầu.
d	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm	Thực hiện xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của các bên.
đ	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm	Thực hiện cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.
11.2	Cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm	Cung cấp thông tin về chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm tại VSDC theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
11.3	Phong tỏa chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	
a	Phong tỏa lần đầu chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	Thực hiện phong tỏa lần đầu, giải tỏa số lượng chứng khoán phong tỏa lần đầu đối với chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm của nhà đầu tư khi có yêu cầu của chính nhà đầu tư gửi cho VSDC thông qua thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư có chứng khoán lưu ký thực hiện phong tỏa, giải tỏa.
b	Phong tỏa bổ sung chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	Thực hiện phong tỏa bổ sung, giải tỏa số lượng chứng khoán phong tỏa bổ sung đối với chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm của nhà đầu tư khi có yêu cầu của chính nhà đầu tư gửi cho VSDC thông qua thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư có chứng khoán lưu ký thực hiện phong tỏa, giải tỏa.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 10 năm 2026.

2. Các Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tiếp tục áp dụng tên giá dịch vụ và mức giá dịch vụ quy định tại Quyết định số 1541/QĐ-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho đến khi Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành văn bản mới. /.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Kho bạc Nhà nước khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QL (20 bản) *SV*



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Signature

Lê Tấn Cận